TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 316/2025/DS-PT
Ngày 18 – 8 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:179/2025/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng G, sinh năm 1984 (Có mặt);

Căn cước số: 096184013631; Cấp ngày: 02/12/2024; Nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096180004482; Cấp ngày:15/11/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Đ, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo chị Lê Hồng G trình bày:

Ngày 26/11/2022 âm lịch, chị Nguyễn Thị Đ có vay của chị số tiền 153.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 2%/tháng, không quy định thời hạn thanh toán, có làm biên nhận do chị Đ ký tên. Từ khi vay đến nay, chị Đ không trả lãi và

vốn, chị Đ là người trực tiếp giao dịch nên chị yêu cầu chị Đ trả nợ vốn vay 153.000.000 đồng và lãi suất từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi 1,6%/tháng.

- *Theo chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Từ năm 2020, chị vay của chị Lê Hồng G số tiền vốn 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, không có làm biên nhận, chị G có ghi sổ theo dõi do chị G quản lý, sự việc chỉ có chị và chị G biết. Đến ngày 26/11/2022 âm lịch, hai bên gặp nhau và thống nhất tính toán khoản nợ nên chị có làm biên nhận cho chị G thể hiện nợ số tiền 153.000.000 đồng trong đó tiền vốn vay 100.000.000 đồng và lãi 53.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận nợ chị có trả cho chị G số tiền vốn 15.000.000 đồng và hai lần lãi 12.000.000 đồng, không có làm biên nhận nhưng chị G có ghi vào sổ của chị G theo dõi hiện do chị G quản lý. Khoản nợ này chị tự vay nên chị tự chịu trách nhiệm trả cho chị G số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi ký biên nhận ngày 26/11/2022 âm lịch đến nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2025/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Hồng G. Buộc chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho chị Lê Hồng G số tiền 223.421.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/5/2025, chị Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc chị Đ trả cho chị G số tiền vốn và lãi 123.000.000 đồng (trong đó: Vốn là 100.000.000 đồng, lãi là 23.000.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Đ giữ nguyên kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Chị Đ phát biểu: Yêu cầu trả cho chị G 100.000.000 đồng vốn và lãi theo quy định pháp luật.

Chị G phát biểu: Không đồng ý yêu cầu chị Đ, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc chị Đ vay tiền của chị Lê Hồng G là thực tế có xảy ra, được chị Đ thừa nhận, khi vay chị Đ có làm biên nhận cho chị G. Tuy nhiên, về số tiền vốn vay giữa chị G và chị Đ trình bày không thống nhất nhau: Chị G xác định chị Đ vay số tiền vốn là 153.000.000 đồng; chị Đ xác định số tiền vốn vay là

100.000.000 đồng, còn lại 53.000.000 đồng là tiền lãi.

[2] Xét thấy, theo biên nhận ngày 26/11/2022 al có chị Đ ký tên, thể hiện số tiền chị Đ nhận của chị G là 153.000.000 đồng; tại biên nhận này cũng không thể hiện trong số tiền 153.000.000 đồng bao gồm tiền vốn và tiền lãi như chị Đ trình bày, chị Đ cũng xác định không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận trình bày của chị Đ trong số tiền 153.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/11/2022 al có 100.000.000 đồng là tiền vốn, còn lại 53.000.000 đồng là tiền lãi, mà có căn cứ chấp nhận trình bày của chị G số tiền 153.000.000 đồng nêu trên là tiền vốn.

[3] Đối với trình bày của chị Đ cho rằng đã thanh toán cho chị G số tiền vốn 15.000.000 đồng và tiền lãi 12.000.000 đồng, nhưng không được chị G thừa nhận, chị G xác định từ ngày 26/11/2022 al đến nay chị Đ không có thanh toán vốn, lãi cho chị G. Chị Đ cũng xác định không có chứng cứ chứng minh đã có thanh toán vốn, lãi cho chị G như chị Đ trình bày. Hơn nữa, chị Đ cho rằng số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, chị đã trả vốn cho chị G 15.000.000 đồng, nhưng lại yêu cầu trả cho chị G số tiền vốn 100.000.000 đồng là mâu thuẫn với trình bày của chị Đ. Do đó, trình bày của chị Đ cho rằng đã thanh toán cho chị G 15.000.000 đồng tiền vốn và 12.000.000 đồng tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất, mặc dù biên nhận ngày 26/11/2022 al ghi nội dung là tiền mượn (không ghi là tiền vay), nhưng cả chị G và chị Đ đều thống nhất xác định đó là tiền vay và vay có lãi. Về mức lãi suất, chị G xác định là 2%/tháng; chị Đ xác định là 10%/tháng (tại biên bản phiên toà sơ thẩm ngày 16/5/2025, chị Đ xác định từ 5% - 6%/tháng). Về mức lãi suất chị G và chị Đ trình bày không thống nhất nhau, nhưng đều vượt quá mức lãi suất theo quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng); do đó, mức lãi suất cần phải được điều chỉnh lại theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 648 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị G chỉ yêu cầu chị Đ thanh toán theo mức lãi suất 1,6%/tháng, thấp hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và có lợi cho phía chị Đ, nên được chấp nhận.

[5] Như vậy, số tiền lãi chị Đ phải thanh toán cho chị G là:

Thời gian từ ngày vay, ngày 26/11/2022 al đến ngày xét xử sơ thẩm 16/5/2025 (nhằm ngày 19/4/2025 al) là 02 năm 04 tháng 23 ngày: Số tiền vốn 153.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 02 năm 04 tháng 23 ngày = 70.421.000 đồng (tính tròn).

Tổng cộng vốn, lãi buộc chị Đ phải thanh toán cho chị G là 223.421.000 đồng (153.000.000 đồng + 70.421.000 đồng = 223.421.000 đồng), là có căn cứ.

[6] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo chị Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Đ .

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 179/2025/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng G. Buộc chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho chị Lê Hồng G số tiền vốn, lãi là 223.421.000 đồng (trong đó: Tiền vốn là 153.000.000 đồng, tiền lãi là 70.421.000 đồng).

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 11.171.000 đồng. Chị Lê Hồng G không phải chịu án phí. Chị G đã dự nộp 3.825.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0005644 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16/5/2025, chị Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005635 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau;
- THADS khu vực 3-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập